CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 850 /CBTT-MTNT V/v: CBTT đính chính NQ, BB họp ĐHĐCĐ bất thường 2026	*Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2026*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông CTCP Môi trường Nam Thành.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành
2. Mã chứng khoán: UTT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 ngõ 405 Nguyễn Bặc, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 0243 6816061
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân - Chủ tịch HĐQT
6. Loại thông tin công bố: ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu x Bất thường ☐Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành (MCK: UTT) công bố thông tin đính chính Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 như sau:

   Do sai sót trong việc chuẩn bị tài liệu và đánh máy văn bản, một số thông tin số liệu thể hiện trong Báo cáo chiến lược phát triển của doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty thể hiện tại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Công ty chưa chính xác, Công ty xin đính chính như sau:

Thông tin đã CBTT	Thông tin đính chính
Năm 2030 Doanh thu thuần: 188.907.000.000 Giá vốn: 155.144.000.000 Lợi nhuận gộp: 33.763.000.000 Tổng LN trước thuế: 3.579.000.000 Chi phí thuế TNDN: 357.900.000 Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3.221.100.000	Năm 2030 Doanh thu thuần: 188.900.000.000 Giá vốn: 155.150.000.000 Lợi nhuận gộp: 33.750.000.000 Tổng LN trước thuế: 3.566.000.000 Chi phí thuế TNDN: 356.600.000 Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3.209.400.000

Các thông tin do sai sót đánh máy cũng được đính chính tương ứng tại Báo cáo chiến lược phát triển của doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty,

được CBTT cùng Nghị quyết, BB họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2026 đã được đính chính.

8. Thông tin này đã được CBTT tại trang điện tử của Công ty tại địa chỉ: https://urenconamthanh.vn/ (Mục Tin tức & Sự kiện) kể từ ngày 17/08/2026.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Thư ký Công ty

Đính kèm:
- Biên bản, NQ ĐHĐCĐ đã đính chính
- Tài liệu BC chiến lược đính chính

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N:0107490727-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thủy Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107490727
Reason: I am the author of this document
Location: 123456789
Date: 2026.08.17 15:06:20+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 762 /NQ-ĐHĐCĐ	*Thanh Trì, ngày 28 tháng 07 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên năm 2026; Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành thông qua ngày 28/07/2026;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng Cổ đông số: 761/BB-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 07 năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo chiến lược phát triển của Doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 gồm các nội dung chính sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	180.217.000.000	188.425.000.000	189.783.000.000	188.158.000.000	188.900.000.000
2	Giá vốn	151.011.000.000	154.220.000.000	155.435.000.000	154.599.000.000	155.150.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*1.828.000.000*	*2.028.000.000*	*1.957.000.000*	*1.619.000.000*	*1.212.000.000*
3	Lợi nhuận gộp	29.206.000.000	34.205.000.000	34.348.000.000	33.559.000.000	33.750.000.000
4	Lợi nhuận tài chính	(1.861.000.000)	(4.121.000.000)	(5.487.000.000)	(5.688.000.000)	(5.475.000.000)
	Trong đó: - Cổ tức nhận từ các đơn vị đầu tư vốn					
	- Lãi tiền gửi	288.000.000	301.000.000	303.000.000	301.000.000	302.000.000
5	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
	Trong đó: - Chi phí khấu hao					
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.325.000.000	21.401.000.000	23.744.000.000	24.180.000.000	24.709.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*240.000.000*	*164.000.000*	*1.992.000.000*	*1.979.000.000*	*1.968.000.000*
6	Lợi nhuận khác	(60)				-
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.020.000.000	8.683.000.000	5.117.000.000	3.691.000.000	3.566.000.000
8	Chi phí thuế TNDN	602.000.000	868.300.000	511.700.000	369.100.000	356.600.000
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.418.000.000	7.814.700.000	4.605.300.000	3.321.900.000	3.209.400.000

(Có báo cáo chiến lược phát triển của doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 chi tiết kèm theo)

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định, quy trình, chuẩn hoá hệ thống quản lý của Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành (có quy trình, quy định kèm theo).

2.1. Thông qua Sổ tay quản lý.

2.2. Thông qua Nội quy lao động.

2.3. Thông qua Quy chế tiền lương.

2.4. Thông qua Quy trình ký Hợp đồng lao động cho người lao động.

2.5. Thông qua Quy trình tính lương.

2.6. Thông qua Quy trình giải quyết thủ tục khi người lao động nghỉ việc.

2.7. Thông qua Quy trình hướng dẫn nghiệp vụ bảo hiểm cho người lao động tại doanh nghiệp.

2.8. Thông qua Quy trình đánh giá hiệu quả công việc theo KPI.

2.9. Thông qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng.

2.10. Thông qua Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

3. Thông qua việc kiện toàn công tác cán bộ các phòng ban chuyên môn, chi nhánh Công ty theo định biên của Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 thống nhất:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch tại Báo cáo chiến lược phát triển của doanh nghiệp; các quy chế, quy định, quy trình, chuẩn hoá hệ thống quản lý Công ty và việc kiện toàn công tác cán bộ các phòng ban chuyên môn, chi nhánh Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 3. Thực hiện và thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Cty MTĐT Hà Nội (để b/c);
- HĐQT; Ban Kiểm soát (để b/c);
- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH

Nguyễn Thị Thủy Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 761 /BB-ĐHĐCĐ	*Thanh Trì, ngày 28 tháng 07 năm 2026*

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH

- Thời gian: 8h00' ngày 28 tháng 07 năm 2026
- Địa điểm tổ chức: Trụ sở chính Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành , Số 21, ngõ 405 đường Nguyễn Bặc, Xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thành phần tham dự

*** Đại biểu Công ty TNHH MTV MTĐT Hà Nội**

- Đại diện lãnh đạo Công ty:

+ Bà: Đỗ Thị Khánh Hòa - Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty làm người phụ trách chung phần vốn Nhà nước;

+ Ông: Vũ Nhất Anh - Trưởng Ban Kiểm soát.

*** Đại biểu Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành**

+ Chủ tịch HĐQT;

+ Ban Kiểm soát;

+ Ban giám đốc;

+ Trưởng, phó các phòng chuyên môn;

+ Các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 29/06/2026 tham dự trực tiếp và tham dự thông qua ủy quyền tại Đại hội.

2. Tính hợp pháp của Đại hội

- Đại hội đã nghe Bà Lương Thị Hương Thơm - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 3.000.000 cổ phần

- Tổng số đại biểu là cổ đông sở hữu và được ủy quyền tham dự có mặt là: 08 Cổ đông đại diện cho 1.818.200 cổ phần chiếm 60,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại Hội.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

3. Chủ tọa, thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu

Để điều hành hoạt động của Đại hội, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 đã nhất trí thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Ban kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu, Thư ký với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ đông dự họp và biểu quyết, cụ thể như sau:

*** Chủ tịch đoàn**

1. Bà: Nguyễn Thị Thủy Ngân - Chủ tọa;
2. Ông: Đinh Đức Chiến - Ủy viên.

*** Thư ký:**

- Bà: Đỗ Hồng Trang

*** Ban kiểm tra tư cách đại biểu: 02 Thành viên:**

1. Bà: Lương Thị Hương Thơm - Trưởng ban;
2. Bà: Trần Thị Kim Tiến - Thành viên.

*** Ban kiểm phiếu: 02 Thành viên:**

1. Bà: Phạm Thị Thanh Hiền - Trưởng ban;
2. Bà: Bùi Thanh Nga - Thành viên.

4. Đại hội đã thông qua chương trình nghị sự và quy chế làm việc của Đại hội.

*** Tổng số biểu quyết:**

- Tán thành : 1.818.200 CP đạt 100%
- Không tán thành : 0 %
- Ý kiến khác : 0 %

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

1. Bà: Nguyễn Thị Thuỷ Ngân - Chủ tịch HĐQT Công ty Thông qua Chiến lược phát triển của Doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 gồm các nội dung chính sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	180.217.000.000	188.425.000.000	189.783.000.000	188.158.000.000	188.900.000.000
2	Giá vốn	151.011.000.000	154.220.000.000	155.435.000.000	154.599.000.000	155.150.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*1.828.000.000*	*2.028.000.000*	*1.957.000.000*	*1.619.000.000*	*1.212.000.000*
3	Lợi nhuận gộp	29.206.000.000	34.205.000.000	34.348.000.000	33.559.000.000	33.750.000.000
4	Lợi nhuận tài chính	(1.861.000.000)	(4.121.000.000)	(5.487.000.000)	(5.688.000.000)	(5.475.000.000)
	Trong đó: - Cổ tức nhận từ các đơn vị đầu tư vốn					
	- Lãi tiền gửi	288.000.000	301.000.000	303.000.000	301.000.000	302.000.000
5	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
	Trong đó: - Chi phí khấu hao					
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.325.000.000	21.401.000.000	23.744.000.000	24.180.000.000	24.709.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*240.000.000*	*164.000.000*	*1.992.000.000*	*1.979.000.000*	*1.968.000.000*
6	Lợi nhuận khác	(60)	-	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.020.000.000	8.683.000.000	5.117.000.000	3.691.000.000	3.566.000.000
8	Chi phí thuế TNDN	602.000.000	868.300.000	511.700.000	369.100.000	356.600.000
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.418.000.000	7.814.700.000	4.605.300.000	3.321.900.000	3.209.400.000

(Có báo cáo chiến lược phát triển của doanh nghiệp 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 chi tiết kèm theo)

*** Tổng số biểu quyết:**

- Tán thành : 1.818.200 CP đạt 100% tổng số cổ đông tham dự vào biểu quyết
- Không tán thành : 0 %
- Ý kiến khác : 0 %

2. Ông: Đinh Đức Chiến - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định, quy trình, chuẩn hoá hệ thống quản lý của Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành (có quy trình, quy định kèm theo).

2.1. Thông qua Sổ tay quản lý.

2.2. Thông qua Nội quy lao động.

2.3. Thông qua Quy chế tiền lương.

2.4. Thông qua Quy trình ký Hợp đồng lao động cho người lao động.

2.5. Thông qua Quy trình tính lương.

2.6. Thông qua Quy trình giải quyết thủ tục khi người lao động nghỉ việc.

2.7. Thông qua Quy trình hướng dẫn nghiệp vụ bảo hiểm cho người lao động tại doanh nghiệp.

2.8. Thông qua Quy trình đánh giá hiệu quả công việc theo KPI.

2.9. Thông qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng.

2.10. Thông qua Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

*** Tổng số biểu quyết:**

- Tán thành : 1.818.200 CP đạt 100% tổng số cổ đông tham dự vào biểu quyết
- Không tán thành : 0 %
- Ý kiến khác : 0 %

3. Bà: Nguyễn Thị Thuỷ Ngân - Chủ tịch HĐQT Công ty Thông qua việc kiện toàn công tác cán bộ các phòng ban chuyên môn, chi nhánh Công ty theo định biên.

*** Tổng số biểu quyết:**

- Tán thành : 1.818.200 CP đạt 100% tổng số cổ đông tham dự vào biểu quyết
- Không tán thành : 0 %
- Ý kiến khác : 0 %

III. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026 VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI.

Bà: Đỗ Hồng Trang - Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.

*** Tổng số biểu quyết:**

- Tán thành : 1.818.200 CP đạt 100% tổng số cổ đông tham dự vào biểu quyết
- Không tán thành : 0 %
- Ý kiến khác : 0 %

Đại hội kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày. Biên bản này gồm 04 trang, được lập thành 08 bản (có giá trị như nhau) tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành và được thông qua trước Đại hội.

THƯ KÝ	**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**
Đỗ Hồng Trang	**Nguyễn Thị Thủy Ngân**

Nơi nhận:
- *Công ty MTĐT Hà Nội* (để b/c);
- HĐQT; Ban kiểm soát (để b/c);
- Các cổ đông;
- Lưu VT, HĐQT.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0107490727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2016, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 20/05/2026)

Hà Nội, tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 2
II. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP: 2
1. Giới thiệu chung 2
2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty 2
3. Sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ 3
4. Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty 6
5. Hoạt động kinh doanh 6
IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 7
1. Đặc điểm chung 7
2. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn 2021 – 2025 8
3. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 9
V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 12
1. Mục tiêu, định hướng hoạt động 12
2. Các nhiệm vụ chủ yếu: 12
4 Kế hoạch đầu tư: 13
5 Phương án huy động vốn: 13
6 Các giải pháp thực hiện 14
VI. KIẾN NGHỊ 15

NỘI DUNG
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP
5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và Đầu tư vốn Nhà Nước tại Doanh nghiệp;

Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về Cơ cấu lại vốn Nhà Nước tại Doanh nghiệp.

II. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP:

1. Giới thiệu chung

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM THÀNH**
- Tên công ty bằng tiếng Anh: Nam Thanh Environment Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: Nam Thành., JSC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 ngõ 405 Nguyễn Bặc, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3681 6061
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0107490727 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2016, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 9 ngày 20/05/2026.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thu gom rác thải không độc hại – Mã ngành: 3811

2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành, tiền thân là Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Thanh Trì, được thành lập theo Quyết định số 1144/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1996 của UBND Thành phố Hà Nội. Xí nghiệp là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu trực thuộc Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì, thực hiện hai nhiệm vụ chính: "(1) Đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Thanh Trì và tham gia công tác xã hội hóa VSMT 03 phường Hoàng Liệt – Đại Kim – Định Công

của quận Hoàng Mai; (2) Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Văn Điển xã Tứ Hiệp, xã Vĩnh Quỳnh và các cơ quan đóng trên địa bàn". Ngoài các nhiệm vụ trên, Công ty được giao bổ sung thêm các nhiệm vụ như: Quản lý, duy trì chiếu sáng, chăm sóc cây xanh và duy tu, sửa chữa đường giao thông liên xã trên địa bàn huyện.

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội, Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Thanh Trì sáp nhập về Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội, thành chi nhánh Xí nghiệp môi trường đô thị huyện Thanh Trì. Tháng 5/2016 Chi nhánh Xí nghiệp tiến hành Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Thanh Trì theo Quyết định số 2787/QĐ- UBND ngày 01/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Chi nhánh Xí nghiệp môi trường đô thị huyện Thanh Trì thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội thành Công ty Cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì. Ngày 20/05/2026, Công ty chính thức đổi tên là Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành.

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, hiện nay Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành đã có đội ngũ hơn 300 CBCNV bao gồm lao động gián tiếp và trực tiếp với độ tuổi trung bình trẻ. Công ty vinh dự là đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; Là một trong những đơn vị nòng cốt tham gia và đạt được nhiều thành tích trong các phong trào thi đua, văn hóa – văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội của Thành phố Hà Nội.

Những danh hiệu thi đua đã đạt được trong những năm qua:

+ Chi bộ Đảng: Đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Chính quyền: Đạt danh hiệu tiên tiến.

+ Công đoàn: Đạt công đoàn cơ sở xuất sắc.

+ Đoàn thanh niên: Đạt Đoàn thanh niên cơ sở xuất sắc.

+ Quân sự: Nhiều năm liền đạt danh hiệu thi đua Quyết thắng.

Các hoạt động và thành tích nổi bật, các hình thức khen thưởng:

+ Huân chương lao động hạng 3.

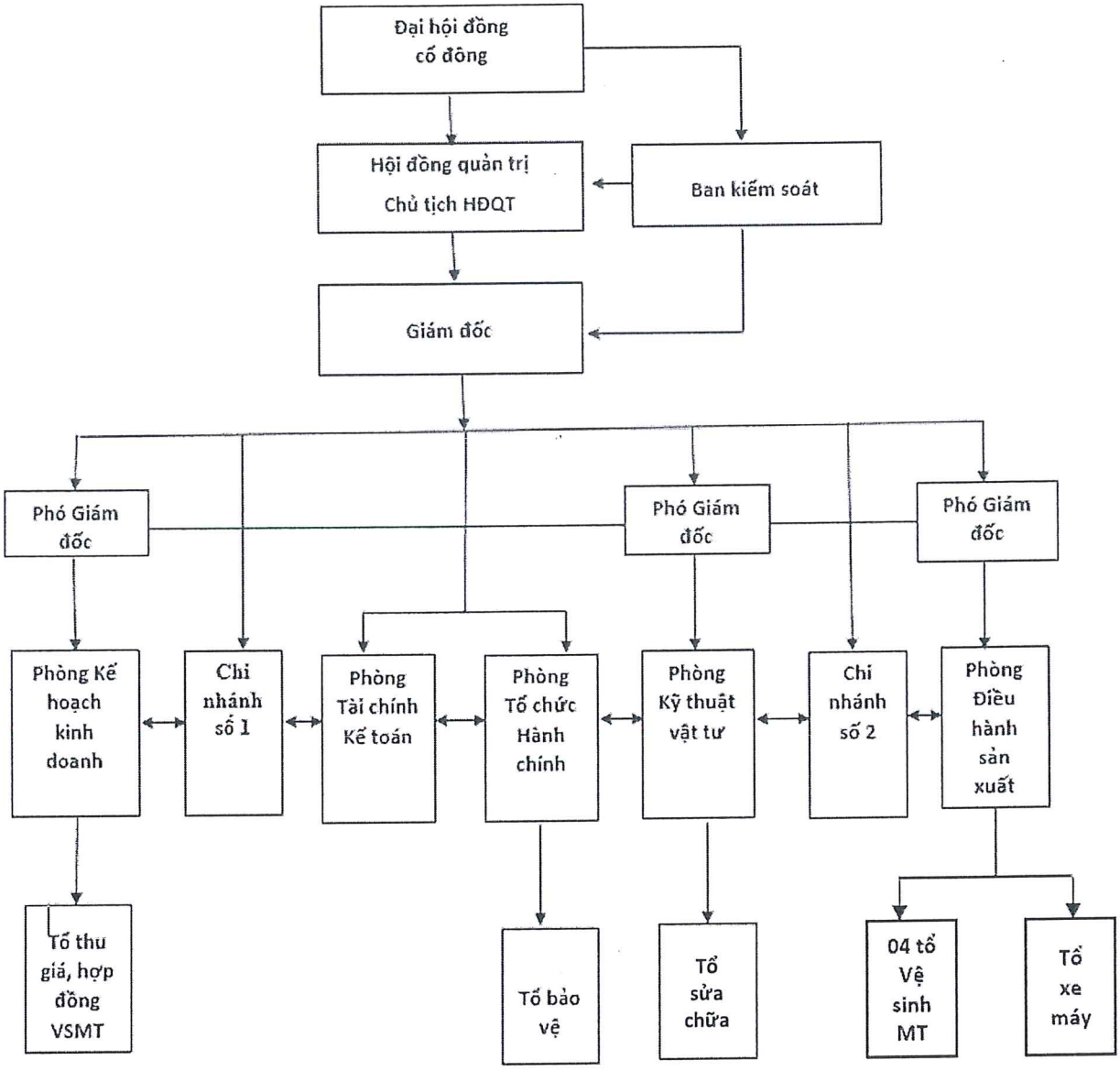
+ Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ về thành tích xuất xắc

+ Nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động Thành phố Hà Nội, Huyện Thanh Trì.

+ Bằng khen, giấy khen UBND Thành phố, UBND huyện, các ban ngành trao tặng nhiều năm liền.

3. Sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ

Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã tổ chức bộ máy chức năng nhiệm vụ và có trách nhiệm quyền hạn cụ thể như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

❖ **Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch hội đồng quản trị, thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các công việc theo chức năng đảm bảo lợi ích cho việc SXKD có hiệu quả.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc công ty do Chủ tịch HĐQT công ty bổ nhiệm theo Nghị quyết của HĐQT, chịu trách nhiệm về các hoạt động của chính của công ty. Thành phần Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

❖ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban Công ty và các chi nhánh trực thuộc:**

✓ ***Phòng Tổ chức - Hành Chính:***

- Tham mưu và giúp lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; Công tác lao động, tiền lương; quản trị.
- Đảm nhiệm công tác hành chính – tổng hợp, văn thư - lưu trữ.
- Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, ATLĐ, PCCC, QPAN...
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các quy chế, quy định của Công ty
- Tham mưu công tác mua sắm bảo hộ lao động
- Quản lý công tác bảo vệ.

✓ ***Phòng Tài chính - Kế toán:***

- - Tham mưu cho HĐQT, Giám đốc về công tác quản lý hoạt động tài chính, chế độ kế toán, quản lý tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty; Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và các cổ đông.

✓ ***Phòng Kế hoạch – kinh doanh:***

- Tham mưu và thực hiện công tác xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; Thường trực thực hiện các công việc liên quan đến đấu thầu.
- Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật; Đơn giá nội bộ, xây dựng và triển khai công tác giao khoán nội bộ công tác duy trì vệ sinh và các hoạt động khác của Công ty.
- Xây dựng các quy trình công nghệ thu gom và vận chuyển; Kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ và định mức kinh tế kỹ thuật
- Tham mưu và thực hiện quản lý các hoạt động khai thác hợp đồng dịch vụ; kế hoạch mở rộng thị trường, phát triển ngành nghề kinh doanh của Công ty. Tổ chức quản lý và thực hiện công tác thu giá dịch vụ VSMT.

✓ ***Phòng Kỹ thuật - Vật tư:***

- Tham mưu và thực hiện công tác xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư, bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ, thiết bị hạ tầng cơ sở khác của Công ty ;
- Thực hiện công tác quản lý, sửa chữa xe máy thiết bị.

✓ ***Phòng Điều hành sản xuất:***

- Tham mưu và tổ chức triển khai các hoạt động duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn do Công ty quản lý; Tổ chức thực hiện các hợp đồng giao khoán nội bộ, hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường ;
- Xây dựng lịch trình cho các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất .

✓ ***Chi nhánh số 1 và Chi nhánh số 2 :***

- Tham mưu, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn do Công ty quản lý theo phân cấp; Tổ chức thực hiện các hợp đồng giao khoán nội bộ, hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Tổ chức hoạt động khai thác hợp đồng dịch vụ; Quản lý và triển khai thực hiện công tác

thu giá dịch vụ VSMT.

4. Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Kể từ thời điểm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần cho đến nay, Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ thực góp là 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng) và chưa thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn một số xã, phường của thành phố .
- Vận chuyển rác thải sinh hoạt tới Khu xử lý rác tại: Bãi Nam Sơn - Sóc Sơn; bãi Xuân Sơn – Xuân Sơn để tiêu hủy theo quy định.

Tính đến thời điểm tháng 6/2026, Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành đã ký kết và đang cung cấp dịch vụ cho các phường, xã sau: Đống Đa, Vĩnh Tuy, Thanh Trì, Ngọc Hồi, Đại Thanh, Nam Phù, Bình Minh, Tam Hưng, Thanh Oai.

5.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngành môi trường đô thị không mang tính thời vụ, mà là có tính chất hoạt động liên tục, thường xuyên và ổn định quanh năm. Các gói thầu dịch vụ vệ sinh thường kéo dài ít nhất 2 năm và dài nhất 5 năm.

5.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Thành tập trung khu vực công tại một số phường, xã thuộc thành phố Hà Nội.

III. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN NĂM 2021 – 2025

1. Nhận định thị trường

Giai đoạn 2021- 2025, Hà Nội đã ghi dấu bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường, chuyển từ cách làm tình thế sang đầu tư chiến lược, dài hạn. Các dự án hạ tầng môi trường quy mô lớn, cùng sự đổi mới trong tư duy quản trị và huy động cộng đồng, đã tạo nền tảng cho mục tiêu phát triển đô thị xanh, bền vững.

Điểm nhấn nổi bật là việc hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn 2050, giúp định hướng đồng bộ hạ tầng môi trường toàn thành phố. Trên cơ sở đó, nhiều công trình xử lý rác và nước thải trọng điểm được đưa vào vận hành, tiêu biểu như Nhà máy điện rác Sóc Sơn và Seraphin, áp dụng công nghệ đốt rác phát điện hiện đại, giảm áp lực chôn lấp và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn. Cùng với đó, Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá, dự án môi trường quy mô quốc gia, xử lý hàng trăm nghìn m^3 nước thải mỗi ngày, góp phần cải thiện rõ rệt chất lượng nước các lưu vực sông Nhuệ - Đáy và khu vực nội đô.

Thị trường đòi hỏi các công ty môi trường phải tập trung nguồn lực đầu tư vào công nghệ và phương tiện hiện đại như xe quét hút bụi đường phố, xe ép rác chuyên dụng kín có hệ thống thu hồi nước rác, và ứng dụng định vị GPS để quản lý, tối ưu hóa lộ trình thu gom.

2. Biến động về các chính sách của Nhà nước

Về hành lang pháp lý, sự ra đời và chính thức có hiệu lực của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã mang đến những quy định vô cùng nghiêm ngặt, tác động trực tiếp đến quy trình vận hành của các doanh nghiệp. Các chế tài mới tập trung siết chặt công tác phân loại rác tại nguồn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trạm trung chuyển, cũng như việc kiểm soát ô nhiễm mùi hôi và nước rác trong quá trình vận chuyển. Sự thay đổi pháp lý này buộc các công ty môi trường phải chủ động thay đổi toàn bộ quy trình công nghệ tại hiện trường, tăng cường đầu tư nâng cấp công cụ dụng cụ để đáp ứng đúng quy chuẩn và tránh các mức xử phạt hành chính ngày càng nặng từ cơ quan quản lý.

Do đặc thù ngành môi trường đô thị vẫn là ngành thâm dụng lao động cao, sử dụng một lượng lớn công nhân quét đường và thu gom trực tiếp ngoài hiện trường, nên những biến động về chính sách an sinh xã hội luôn tạo ra áp lực tài chính rất lớn. Việc Nhà nước liên tục điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu vùng, gần nhất là theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP, cùng với việc siết chặt tỷ lệ đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc đã đẩy chi phí nhân công tăng mạnh.

Vì chi phí lao động trực tiếp thường chiếm tỷ trọng áp đảo, từ 50% đến 60% trong tổng giá vốn dịch vụ công ích, nên những thay đổi này đã trực tiếp ảnh hưởng đến dòng tiền và làm thu hẹp biên lợi nhuận của doanh nghiệp nếu không có phương án quản trị nhân sự linh hoạt.

Cuối cùng, việc các cơ quan quản lý Nhà nước, thanh tra và kiểm toán tăng cường giám sát việc sử dụng nguồn ngân sách dành cho dịch vụ công ích đã khiến quy trình thanh quyết toán hợp đồng trở nên chặt chẽ hơn bao giờ hết. Các bộ đơn giá, định mức duy trì vệ sinh môi trường liên tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiệm cận chi phí thực tế tối thiểu, khiến cho khung trần doanh thu đạt được của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào các gói thầu duy trì vệ sinh hàng năm.

Bối cảnh này đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện hạch toán tài chính cực kỳ minh bạch, chuẩn hóa toàn bộ hồ sơ nghiệm thu, thực hiện đúng và đủ các chế độ phụ cấp độc hại, trang bị bảo hộ lao động cũng như chi phí ăn ca cho công nhân để đảm bảo đủ điều kiện nghiệm thu và quyết toán hợp đồng suôn sẻ với các chủ đầu tư.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đặc điểm chung

Giai đoạn 2021–2025 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Đại dịch Covid-19 kéo dài trong những năm đầu giai đoạn (2021 – 2022) đã tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Sau đại dịch, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do áp lực lạm phát, biến động giá nhiên liệu và nguyên vật liệu, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia, cùng những bất ổn địa chính trị trên thế giới. Tuy nhiên, với các giải pháp điều hành linh hoạt của Chính phủ và sự phục hồi của các hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh tế Việt Nam từng bước vượt qua khó khăn và duy trì đà tăng trưởng tích cực.

Đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường, quá trình đô thị hóa, gia tăng dân số đô thị và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng môi trường sống đã làm gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ công ích đô thị, đặc biệt là công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Bên cạnh những thuận lợi từ chủ trương đẩy mạnh phát triển đô thị xanh, bền vững và tăng cường công tác bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp trong ngành cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như chi phí nhân công, nhiên liệu, vật tư và chi phí xử lý chất thải liên tục gia tăng; yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt

khe; nhu cầu đầu tư đổi mới công nghệ, phương tiện, thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, đầu tư đổi mới trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, Công ty tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước và chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ công ích, góp phần bảo đảm vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn phục vụ.

2. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn 2021 – 2025

2.1. Thuận lợi

Dịch vụ công ích ngày càng được xã hội quan tâm, phương án duy trì VSMT, duy trì đô thị được công khai theo quy chế dân chủ để các ngành, đoàn thể và nhân dân được biết, cùng tham gia phối hợp thực hiện.

Các địa bàn truyền thống là một số xã thuộc địa bàn huyện Thanh Trì và quận Hoàng Mai cũ là những địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, các khu đô thị mới được hình thành tạo điều kiện, cơ hội Công ty phát triển các hoạt động dịch vụ, bổ sung khối lượng duy tu, duy trì.

Giai đoạn 2021 - 2025 Công ty tiếp tục giữ vững, ổn định địa bàn hoạt động, các gói thầu duy trì VSMT đều được cung cấp tại các xã, phường, huyện là địa bàn trọng tâm của Công ty.

2.2. Khó khăn

Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp từ 01/7/2025 công tác duy trì vệ sinh chuyển Chủ đầu tư từ UBND Huyện về Sở chuyên ngành và Từ 01/12/2025 tiếp tục chuyển Chủ Đầu tư về UBND xã, phường dẫn đến tổ chức quản lý, thực thi ở cơ sở còn hạn chế, phát sinh một số khó khăn như: phải điều chỉnh hồ sơ quản lý hợp đồng, thay đổi đầu mối chỉ đạo, phát sinh thủ tục bàn giao hồ sơ, khối lượng, kinh phí, đồng thời ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thanh toán, quyết toán và công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ duy trì vệ sinh môi trường, duy trì đô thị trên địa bàn.

Yêu cầu về chất lượng dịch vụ công ích của chủ đầu tư, người dân và xã hội ngày càng cao, trong khi đơn giá, định mức cho công tác duy trì vệ sinh môi trường chưa phản ánh đúng các chi phí thực tế theo giá cả thị trường dẫn đến hiệu quả tài chính các gói thầu vệ sinh môi trường chưa cao.

Biên lợi nhuận gộp của hoạt động thu phí dịch vụ VSMT (thu hộ) thấp, và các gói thầu vệ sinh môi trường không có nhiều sức bật tăng trưởng do khung trần đơn giá dịch vụ của nhà nước đã được ban hành theo quy định, đồng thời khối lượng mời thầu căn cứ trên quãng đường cung cấp dịch vụ, không có khả năng gia tăng qua các năm.

Công tác tuyển dụng lao động VSMT tiếp tục gặp nhiều khó khăn do mức thu nhập không cao, môi trường làm việc nặng nhọc, định kiến nghề nghiệp,.

Áp lực lớn trong cơ cấu chi phí đến từ việc vận chuyển rác thải lên Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn (huyện Sóc Sơn): Do địa bàn của các xã huyện Thanh Trì cũ nằm ở phía Nam Thủ đô trong khi khu xử lý Nam Sơn nằm ở phía Bắc, cự ly vận chuyển xa đã làm gia tăng đáng kể chi phí nhiên liệu, khấu hao phương tiện và thời gian di chuyển. Bên cạnh đó, vào những thời điểm bãi rác Nam Sơn quá tải, sửa chữa hạ tầng hoặc gặp sự cố phải hạn chế/tạm dừng tiếp nhận rác, Công ty phải

đối mặt với khó khăn vô cùng lớn trong khâu điều phối, tìm kiếm các điểm lưu chứa rác tạm thời nhằm đảm bảo không gây ứ đọng rác thải, tránh gây ô nhiễm môi trường và bức xúc cho người dân trên địa bàn xã, phường.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng Tài sản	53.607	54.071	54.821	57.436	64.127
Doanh thu	83.047	89.965	92.586	75.877	78.484
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	458	3.281	3.466	(565)	2.912
Lợi nhuận trước thuế	81	956	3.305	(639)	686
Lợi nhuận sau thuế	26	347	2.956	(916)	171
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0	0	0
Tỷ lệ trả cổ tức theo mệnh giá	0	0	0	0	0

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023,2024, 2025 của Công ty)

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 5 năm gần đây, doanh thu từ hoạt động chính là dịch vụ thu gom rác thải. Giai đoạn gói thầu 2021-2023, doanh thu có sự tăng trưởng đều do tính chất gói thầu trên địa bàn xã, phường phục vụ kéo dài 3 năm; Giai đoạn năm 2024-2025, doanh thu giảm hơn giai đoạn trước do Công ty chuyển sang các gói thầu giai đoạn 2024 – 2026 giảm về địa bàn duy trì; tỷ suất lợi nhuận trong những năm gần đây giảm do Công ty hạch toán tiền thuê đất năm 2024, 2025.

4. Chỉ tiêu tài chính về tình hình kinh doanh của công ty

Căn cứ thực tế của tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2021 - 2025, căn cứ BCTC kiểm toán năm 2021 - 2025 của Công ty. Chi tiết một số chỉ tiêu tài chính của Công ty như sau:

STT	Chi tiêu	Đvt	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**	**lần**					
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn		0,99	1,00	1,12	1,23	1,10
1.2	Hệ số thanh toán nhanh		0,98	1,00	1,12	1,23	1,09
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**	**%**					

2.1	Hệ số nợ/Tổng tài sản		58,9%	58,6%	53,8%	51,9%	61,7%
2.2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		143,4%	141,7%	116,4%	108,0%	160,8%
2.3	Vốn CSH/Tổng tài sản		41,1%	41,4%	46,2%	48,1%	38,3%
2.4	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**	Vòng					
3	Vòng quay tổng tài sản		0,57	1,67	1,70	1,36	1,32
3.1	Vòng quay TSCĐ		0,82	3,70	3,85	3,30	3,55
3.2	Vòng quay vốn lưu động		2,92	3,09	3,12	5,97	6,64
3.3	Vòng quay các khoản phải thu		7,20	3,94	4,11	2,98	3,06
3.4	Vòng quay các khoản phải trả		1,90	5,20	5,68	4,86	7,68
3.5	Vòng quay hàng tồn kho		2,76	534,03	1049,90	597,59	314,59
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**	**%**					
4.1	LN sau thuế/DT thuần		0,03%	0,39%	3,19%	3,01%	0,22%
4.2	LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,12%	1,56%	12,39%	8,26%	0,70%
4.3	LN sau thuế/Tổng tài sản		0,05%	0,65%	5,43%	4,06%	0,28%
4.4	LN từ hoạt động SXKD/DT thuần		0,55%	3,65%	3,74%	3,47%	3,71%

Nhận xét:

- **Tình hình và khả năng thanh toán nợ**: Theo số liệu BCTC kiểm toán, chỉ tiêu thanh toán (thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh) trong 5 năm từ 2021 – 2025 trung bình là 1,09, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn là tương đối khó khăn. Lý do là Công ty sử dụng nguồn vốn vay để phục vụ cho hoạt động SXKD. Dòng vốn lưu động thấp, rủi ro trong thanh toán khá lớn.

- **Tỷ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính tương đối cao**: Do công nợ phải thu khó đòi lớn nên đơn vị không có dòng tiền để đầu tư phương tiện, thiết bị. Trong những năm gần đây việc triển khai thực hiện dự án đầu tư của đơn vị là bằng nguồn vốn vay nên dư nợ phải trả của công ty luôn có giá trị lớn, năm 2025 tỷ lệ nợ trên VCSH là 160,8%. Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay để phục vụ hoạt động SXKD. Dư nợ vay ngân hàng và các quỹ, cá nhân đến hết năm 2025 là 26,77 tỷ đồng, áp lực chi phí tài chính lớn hàng năm (251 triệu đồng năm 2025), trong đó có khoản vay tín dụng từ cá nhân là 10 tỷ đồng thời hạn 6 tháng để trả tiền thuế đất cho dự án xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng tại xã Ngọc Hồi – Hà Nội, Điều này cũng thể hiện mức độ rủi ro trong thanh toán, rủi ro hoạt động của Công ty.

- **Khả năng sinh lời**: Nhìn chung không cao, do tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao dẫn đến các chi phí hoạt động cao, biên lợi nhuận của Công ty không cao. Số lỗ lũy kế của đơn vị đến 31/12/2025 còn 5,5 tỷ đồng. Trong năm 2025 đơn vị đã SXKD có hiệu quả hơn các năm trước và đạt được chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch bù đắp giảm bớt số lỗ lũy kế từ các năm trước.

5. Tình hình đầu tư, mua sắm tài sản cố định của công ty

Giai đoạn 2021 - 2025 việc đầu tư của Công ty rất hạn chế. Năm 2023 Công ty thực hiện đầu

tư 02 xe ô tô chuyên dùng cuốn ép rác phục vụ các gói thầu duy trì vệ sinh môi trường với kinh phí gần 2 tỷ đồng .

Năm 2024-2025, do khó khăn về tài chính nên đơn vị không có dòng tiền để đầu tư phương tiện. Nhằm bổ sung năng lực phục vụ công tác đấu thầu các gói vệ sinh môi trường giai đoạn 2026-2030 của Công ty, trên cơ sở năng lực phương tiện thiết bị sẵn có của đơn vị, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh phương tiện chuyên dùng với 3 công ty, bao gồm CTCP Công nghiệp xanh Hùng Phát, Công ty TNHH Môi trường Sao Xanh và CTCP Môi trường Thuận Thành và thuê xe của các đơn vị khác để cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải.

6. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng, tài sản của công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Thanh Trì đang sử dụng 02 cơ sở nhà đất gồm:

TT	Tên	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn, hình thức sử dụng	Căn cứ pháp lý
1	Cơ sở điểm đất tại xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội Địa chỉ: xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội (Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội)	11.842m^2 trong đó: - 3.103m^2 là chỉ giới đường đỏ, không xây dựng, - 8.739 m^2 nằm ngoài chỉ giới đường đỏ	Xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng. - Công ty đang thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các bước triển khai xây dựng dự án	16/12/2061 Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất 50 năm	- Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng trụ sở và bãi đỗ xe chuyên dùng XNMT đô thị huyện Thanh Trì - Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 16/06/2009 về việc thu hồi 11.842m^2 đất thuộc địa bàn xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì cho XNMT đô thị huyện Thanh Trì thuê để xây dựng trụ sở và bãi đỗ xe chuyên dùng; - Quyết định số 1315/UBND-GPMB ngày 29/06/2017 về việc xác nhận hoàn thành công tác GPMB dự án Xây dựng Trụ sở và bãi đỗ xe chuyên dùng XNMT đô thị huyện Thanh Trì; - Thông báo số 37194/TB-HAN-QLĐ ngày 09/12/2025 của Cục Thuế TP Hà Nội đã hoàn

TT	Tên	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn, hình thức sử dụng	Căn cứ pháp lý
					thành nghĩa vụ nộp thuế thuê đất, sử dụng đất phi nông nghiệp.
2	Đất tại trụ sở chính của Công ty Địa chỉ: Số 21, ngõ 405 đường Nguyễn Bặc, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Diện tích đất 2.669,6 m^2, diện tích nhà 781,44 m^2	Làm trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ	Tạm giao đất để làm trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ từ ngày 15/06/2015 Đất thuê trả tiền hàng năm	- Quyết định số 7500/QĐ-UBND của Thành phố Hà Nội giao cho đơn vị tạm thời quản lý, sử dụng trong thời gian thực hiện dự án tại điểm đất xã Liên Ninh

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu, định hướng hoạt động

- Trong các năm tới, Công ty cổ phần môi trường Nam Thành tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi là công tác duy trì, thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn các xã của huyện Thanh Trì cũ, xã Tam Hưng, Bình Minh, Thanh Oai, phường Vĩnh Tuy, Đống Đa và từng bước mở rộng thị trường trong địa bàn thành phố Hà Nội.
- Tiếp tục sắp xếp, tinh giản bộ máy quản lý đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả.
- Xây dựng phương án sản xuất hiệu quả, từng bước cơ giới hóa công tác thu gom rác để giảm nhân công thủ công và tăng năng suất lao động.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần khoảng 5%. Đến hết năm 2027 xóa lỗ lũy kế từ lợi nhuận để lại.
- Mở rộng địa bàn hoạt động.
- Duy trì lợi ích cho cổ đông, người lao động.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030

Nội dung	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030	Bình quân
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	180.217	188.425	189.783	188.158	188.900	187.097
LN trước thuế	Tr. Đồng	6.020	8.683	5.117	3.691	3.579	5.415
LN sau thuế	Tr. Đồng	5.418	7.815	4.605	3.322	3.209	4.874
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	18,06%	15,63%	9,21%	6,64%	6,42%	11,2%

Nộp NS Nhà nước	Tr. Đồng	11.332	11.848	11.933	11.831	11.878	11.764
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%						5% - 15%

Cơ sở xây dựng kế hoạch doanh thu:

Trong đầu năm 2026, Công ty cổ phần Môi trường Nam Thành đã tham gia đấu thầu một số gói duy trì VSMT trên địa bàn và đã trúng thầu 09 gói thầu thực hiện duy trì VSMT trên một số địa bàn:

+ Các Phường: Đống Đa (2026-2028), Vĩnh Tuy (2026-2030).

+ Các Xã: Thanh Trì, Ngọc Hồi, Nam Phù, Đại Thanh (thuộc huyện Thanh Trì cũ) – Các gói thầu giai đoạn 2026-2028 .

+ Các Xã: Thanh Oai, Tam Hưng, Bình Minh (thuộc huyện Thanh Oai cũ) – Các gói thầu giai đoạn 2026 – 2027.

Như vậy, kế hoạch doanh thu được xây dựng dựa trên cơ sở Công ty đã thực sự ký kết và giả định hoạt động cho các năm theo thực tế gói thầu ký kết. Đối với các gói thầu hết thời hạn cung cấp dịch vụ, Công ty dự kiến đấu thầu lại với kinh nghiệm, năng lực tỷ lệ chắc chắn cao. Trong trường hợp thay đổi về chính sách giá cung cấp dịch vụ hoặc xảy ra trường hợp đấu thầu không trúng, Ban lãnh đạo Công ty cam kết thực hiện các biện pháp thay thế để duy trì mức doanh thu dịch vụ duy trì VSMT theo kế hoạch đã xây dựng.

Việc xây dựng doanh thu tăng trưởng cao nhưng lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2028 – 2030 giảm là do tăng chi phí lãi vay để đầu tư cho dự án xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng của Công ty với tổng mức đầu tư 45.916 triệu đồng, với 50% giá trị đi vay.

4 Kế hoạch đầu tư:

a) Đầu tư tài chính

Công ty không thực hiện đầu tư góp vốn hoặc mua chứng khoán. Công ty dự kiến duy trì một lượng đầu tư tài chính ngắn hạn và/hoặc dài hạn thông qua việc gửi tiết kiệm hoặc mua trái phiếu Chính phủ đối với nguồn tiền nhàn rỗi có thể có trong tương lai. Thực tế thực hiện do Ban lãnh đạo Công ty chủ trì, đảm bảo việc sinh lời hiệu quả, cân đối mang lại lợi ích cho những bên liên quan.

b) Về mua sắm tài sản cố định:

Giai đoạn 2026 – 2030, Công ty không xây dựng kế hoạch mua sắm lớn đối với tài sản cố định. Để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các gói thầu, Công ty đã kí kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh, thuê xe chuyên dụng để sử dụng, giảm thiểu áp lực vay nợ để đầu tư tài sản cố định. Công ty dự kiến duy trì 1 khoản tiền giá trị 100 triệu đồng để mua sắm thiết bị giá trị nhỏ cho mỗi năm trong giai đoạn 2026 – 2030.

5 Phương án huy động vốn:

Hiện nay, Công ty được Thành phố cho thuê mảnh đất ở xã Ngọc Hồi, TP. Hà Nội để triển khai dự án xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng với tổng mức đầu tư dự kiến 45.916 triệu đồng, dự kiến sử dụng nguồn vốn vay (50%) và vốn tự có (50%) của Công ty.

Về sự cần thiết phải triển khai dự án: Để triển khai những gói thầu trong các năm từ 2028 trở

đi (khi một số gói thầu hiện tại đã hết thời gian thực hiện và phải đấu thầu lại hoặc đấu thầu mới), Công ty sẽ cần sử dụng khoảng tối thiểu 100 phương tiện thiết bị chuyên dụng bao gồm xe vận chuyển rác, xe quét hút, xe tưới nước rửa đường… Các phương tiện, thiết bị này được gửi rải rác ở các bãi gửi xe trên địa bàn thành phố do trụ sở làm việc của Công ty hiện tại không đủ diện tích để làm bãi đỗ xe chuyên dùng, do đó không đảm bảo được tính an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Vì vậy, việc triển khai dự án xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng là một nhu cầu cấp thiết của Công ty.

Về kế hoạch tăng vốn: để đảm bảo nhu cầu vốn sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở, bãi đỗ xe chuyên dùng tại xã Ngọc Hồi, Công ty dự kiến kế hoạch tăng vốn như sau:

- Vốn điều lệ hiện tại: 30.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 3.000.000 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: 2.000.000 cổ phần phổ thông
- Giá trị vốn huy động theo mệnh giá: 20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 50.000.000.000 đồng
- Đối tượng mua cổ phần: Các cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền thực hiện mua cổ phần chào bán

Nội dung chi tiết của phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ được Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty để xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

6 Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tài chính

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.

- Sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả; xác định và tính toán chi phí hợp lý, tiết kiệm trong lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty.

b) Giải pháp về kinh doanh

- Đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc hợp tác kinh doanh để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Khuyến khích cán bộ, công nhân viên trong Công ty nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cải tiến quy trình, công nghệ sản xuất một cách hiệu quả nhất; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao nhằm mục tiêu hiện đại hóa các dự án.

c) Giải pháp về thị trường

- Tạo dựng giá trị thương hiệu, uy tín Công ty, hướng tới một Công ty cung cấp đa dạng các dịch

vụ chất lượng cao (không chỉ các dịch vụ công ích)

d) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Không ngừng hoàn thiện hệ thống tiền lương, thu nhập, bảo đảm đúng với năng lực, trình độ và hiệu suất công tác của từng người; mạnh dạn có chế độ đãi ngộ tương xứng thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao; đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực thông qua việc bố trị công việc hợp lý phù hợp với năng lực đế phát huy tối đa sở trường của từng cá nhân mang lại hiệu quả trong công việc.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình, kinh phí đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng... Tiếp tục đối mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo bảo đảm mặt bằng chung về năng lực hành nghề, phẩm chất tư cách, đạo đức nghề nghiệp. Đảm bảo công tác đào tạo nguồn nhân lực đúng với chức năng nhiệm vụ được phân công.

- Xây dựng chính sách khen thưởng đế khuyến khích người lao động tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

e) Giải pháp về quản lý và điều hành

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp phù hợp tình hình thực tế người lao động; đảm bảo tính công khai, minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhằm đảm bảo hiệu quả việc quản lý, điều hành.

- Tuỳ theo tình hình thực tế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; củng cố bộ máy quản lý, điều hành, phân cấp rõ ràng, nhằm phục vụ tốt nhất cho việc tham mưu công tác lãnh đạo, điều hành Công ty.

VI. KIẾN NGHỊ

Từ các cơ sở phân tích trên, Công ty kính đề nghị Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội xem xét, thống nhất nội dung **các chỉ tiêu bình quân kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2026 -2030,** cụ thể:

- Doanh thu bình quân kế hoạch: 187.097 triệu đồng/năm;

- Lợi nhuận sau thuế bình quân kế hoạch: 4.874 triệu đồng/năm;

- Phát sinh nộp ngân sách bình quân kế hoạch: 11.765 triệu đồng/năm;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân kế hoạch: 11,2%/năm.

Đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính hàng năm, Công ty sẽ báo cáo đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của từng năm. Tùy thuộc vào tình hình thực tế của năm trước và xu hướng thị trường, Công ty sẽ đề xuất phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính của năm tiếp theo trình Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội thống nhất nội dung.

Trên đây là một số nội dung chính về kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030 của CTCP Môi trường Nam Thành.

Công ty kính báo cáo Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội xem xét, chỉ đạo./.

Thanh Trì, ngày 10 tháng 06 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT	PHỤ TRÁCH CHUNG PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
Nguyễn Thị Thuỷ Ngân	Đỗ Thị Khánh Hoà

GIÁM ĐỐC

Đinh Đức Chiến

PHỤ LỤC 01: DỰ KIẾN DOANH THU GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Đơn vị tính: đồng

ST	Cơ cấu doanh thu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng
A	**Duy trì VSMT**	**173.581.000.000**	**179.855.000.000**	**181.211.000.000**	**179.586.000.000**	**180.335.000.000**	**894.568.000.000**
I	**Doanh thu tháng 1, 2 Gói thầu cũ**	**9.560.000.000**					**9.560.000.000**
1	Các Phường/Xã Gói thầu huyện Thanh Trì cũ	9.560.000.000					
II	**Doanh thu các Gói thầu mới**	**164.021.000.000**	**179.855.000.000**	**181.211.000.000**	**179.586.000.000**	**180.335.000.000**	**885.008.000.000**
1	Phường Đống Đa	52.601.000.000	52.280.000.000	52.685.000.000	52.522.000.000	52.496.000.000	262.583.000.000
2	Phường Vĩnh Tuy	11.313.000.000	12.807.000.000	13.425.000.000	13.388.000.000	13.388.000.000	64.321.000.000
3	Xã Thanh Trì	19.680.000.000	23.641.000.000	23.815.000.000	23.728.000.000	23.728.000.000	114.592.000.000
4	Xã Ngọc Hồi	19.618.000.000	23.564.000.000	23.737.000.000	23.650.000.000	23.650.000.000	114.220.000.000
5	Xã Đại Thanh	13.493.000.000	16.086.000.000	16.086.000.000	16.086.000.000	16.086.000.000	77.836.000.000
6	Xã Nam Phù	17.534.000.000	21.187.000.000	21.426.000.000	20.049.000.000	20.887.000.000	101.084.000.000
7	Xã Bình Minh	13.006.000.000	13.185.000.000	13.096.000.000	13.140.000.000	13.118.000.000	65.544.000.000
8	Xã Tam Hưng	8.319.000.000	8.479.000.000	8.399.000.000	8.439.000.000	8.419.000.000	42.054.000.000
9	Xã Thanh Oai	8.457.000.000	8.626.000.000	8.542.000.000	8.584.000.000	8.563.000.000	42.772.000.000
B	**10% thu hộ dịch vụ VSMT**	**6.587.000.000**	**8.522.000.000**	**8.522.000.000**	**8.522.000.000**	**8.522.000.000**	**40.675.000.000**
1	Phường Đống Đa	2.172.000.000	3.144.000.000	3.144.000.000	3.144.000.000	3.144.000.000	14.749.000.000
2	Phường Vĩnh Tuy	-	-	-	-	-	-

3	Xã Thanh Trì	759.000.000	903.000.000	903.000.000	903.000.000	903.000.000	4.373.000.000
4	Xã Ngọc Hồi	928.000.000	1.187.000.000	1.187.000.000	1.187.000.000	1.187.000.000	5.675.000.000
5	Xã Đại Thanh	464.000.000	554.000.000	554.000.000	554.000.000	554.000.000	2.680.000.000
6	Xã Nam Phù	450.000.000	583.000.000	583.000.000	583.000.000	583.000.000	2.781.000.000
7	Xã Bình Minh	1.046.000.000	1.243.000.000	1.243.000.000	1.243.000.000	1.243.000.000	6.019.000.000
8	Xã Tam Hưng	398.000.000	484.000.000	484.000.000	484.000.000	484.000.000	2.333.000.000
9	Xã Thanh Oai	370.000.000	424.000.000	424.000.000	424.000.000	424.000.000	2.064.000.000
C	**Doanh thu khác**	**50.000.000**	**50.000.000**	**50.000.000**	**50.000.000**	**43.000.000**	**250.000.000**
1	Phường Đống Đa	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
2	Phường Vĩnh Tuy	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
3	Xã Thanh Trì	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	50.000.000
4	Xã Ngọc Hồi	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	25.000.000
5	Xã Đại Thanh	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
6	Xã Nam Phù	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
7	Xã Bình Minh	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
8	Xã Tam Hưng	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
9	Xã Thanh Oai	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	25.000.000
	Tổng cộng (A + B + C)	**180.218.000.000**	**188.427.000.000**	**189.783.000.000**	**188.158.000.000**	**188.900.000.000**	**935.493.000.000**

PHỤ LỤC 02: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	180.217.000.000	188.425.000.000	189.783.000.000	188.158.000.000	188.900.000.000
2	Giá vốn	151.011.000.000	156.127.000.000	157.355.000.000	156.503.000.000	155.150.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*1.828.000.000*	*2.028.000.000*	*1.957.000.000*	*1.619.000.000*	*1.212.000.000*
3	Lợi nhuận gộp	29.206.000.000	34.205.000.000	34.348.000.000	33.559.000.000	33.750.000.000
4	Lợi nhuận tài chính	(1.861.000.000)	(4.121.000.000)	(5.487.000.000)	(5.688.000.000)	(5.475.000.000)
	Trong đó: - Cổ tức nhận từ các đơn vị đầu tư vốn	-	-	-	-	-
	- Lãi tiền gửi	288.000.000	301.000.000	303.000.000	301.000.000	302.000.000
5	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.325.000.000	21.401.000.000	21.916.000.000	24.180.000.000	24.709.000.000
	Trong đó: - Chi phí khấu hao	*240.000.000*	*164.000.000*	*164.000.000*	*1.979.000.000*	*1.968.000.000*
6	Lợi nhuận khác	(60)				
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.020.000.000	8.683.000.000	5.117.000.000	3.691.000.000	3.566.000.000
8	Chi phí thuế TNDN	602.000.000	868.300.000	511.700.000	369.100.000	356.600.000
9	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**5.418.000.000**	**7.814.700.000**	**4.605.300.000**	**3.321.900.000**	**3.209.400.000**
10	LN Giữ lại để trả cổ tức		4.688.820.000	2.763.180.000	1.993.140.000	1.925.640.000
	Tỷ lệ cổ tức dự kiến					5% - 15%

TT	Chỉ tiêu Kế hoạch vốn Lưu động	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1.	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.371.000.000	65.117.000.000	67.541.000.000	69.585.000.000	70.600.000.000
2.	Hàng tồn kho	494.000.000	516.000.000	520.000.000	516.000.000	518.000.000
3.	Tài sản ngắn hạn khác	1.176.000.000	1.230.000.000	1.239.000.000	1.228.000.000	1.250.000.000
4.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn *(không bao gồm vay ngắn hạn)*	44.392.000.000	46.414.000.000	46.749.000.000	46.348.000.000	45.000.000.000
5.	Vốn lưu động ngoài tiền mặt và tài sản phi hoạt động ngắn hạn	18.649.000.000	20.449.000.000	22.551.000.000	24.981.000.000	27.368.000.000

TT	Chỉ tiêu kế hoạch vay vốn và đầu tư mua sắm	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1.	Dòng tiền tăng do vay nợ mới	16.784.000.000	32.789.000.000	36.415.000.000	26.985.000.000	23.899.000.000
2.	Dòng tiền trả nợ gốc vay	16.495.000.000	17.989.000.000	21.485.000.000	23.566.000.000	22.535.000.000
3.	Dòng tiền chi đầu tư mua sắm TSCĐ và TS dài hạn	1.000.000.000	29.208.278.000	16.708.338.000	1.000.000.000	2.000.000.000